

Số: 10/HD-CĐSL

Sơn La, ngày 27 tháng 01 năm 2026

HƯỚNG DẪN

Đánh giá học phần/mô đun đáp ứng chuẩn đầu ra trình độ cao đẳng, trung cấp

I. Căn cứ xây dựng

- Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025;
- Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ của Bộ trưởng Bộ Lao động và Xã hội;
- Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/04/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng Giáo dục Mầm non;
- Quyết định số 06/QĐ-CĐSL ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La;
- Quyết định số 605/QĐ-CĐSL ngày 11/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La, ban hành Quy định về đánh giá kết quả học tập, xét và công nhận tốt nghiệp đối với trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
- Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

II. Mục đích, phạm vi áp dụng

1. Mục đích

- Hướng dẫn cụ thể, thống nhất việc đánh giá học phần/mô đun (HP/MĐ) theo chuẩn đầu ra;
- Bảo đảm tính khách quan, công bằng, minh bạch và đo lường được mức độ đạt chuẩn của người học;
- Làm căn cứ cho giảng viên, khoa chuyên môn và bộ phận khảo thí (P.KTCL) tổ chức kiểm tra, đánh giá.

2. Phạm vi áp dụng

Áp dụng cho tất cả các HP/MĐ trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La.

III. Giải thích từ viết tắt và các mức độ năng lực

Để đảm bảo sự thống nhất trong cách hiểu, các thuật ngữ chuyên môn được quy định như sau:

- PLOs (Program Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Đây là các yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp.

- CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra của HP/MĐ. Đây là các yêu cầu cụ thể mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành một học phần.

- LLOs (Lesson Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra của từng bài học hoặc chương.

- PIs (Performance Indicators): Chỉ báo mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Đây là các thành phần cụ thể, có thể đo lường được của PLO.

Các mức độ năng lực theo mô hình I-R-M-A:

- I (Introduced - Giới thiệu): Người học bắt đầu tiếp cận kiến thức, kỹ năng nền tảng.

- R (Reinforced - Củng cố): Người học thực hành, củng cố và nâng cao kiến thức/kỹ năng.

- M (Mastery - Thành thạo): Người học làm chủ, vận dụng thành thạo trong thực tiễn.

- A (Assessed - Đánh giá): Thể hiện học phần cốt lõi hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, yêu cầu vận dụng cao hoặc sáng tạo.

IV. Nguyên tắc đánh giá theo chuẩn đầu ra

- Đánh giá phải gắn trực tiếp với chuẩn đầu ra đã công bố;
- Mỗi chuẩn đầu ra phải được đo lường bằng ít nhất một hình thức đánh giá phù hợp;

- Kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết;
- Bảo đảm phù hợp với tính chất HP/MĐ và trình độ đào tạo (cao đẳng, trung cấp).

V. Quy trình đánh giá HP/MĐ

Bước 1. Xác định chuẩn đầu ra của HP/MĐ

- Căn cứ chuẩn đầu ra đã được phê duyệt;
- Liệt kê đầy đủ các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ – trách nhiệm;

- Phân loại từng chuẩn đầu ra theo mức độ I, R, M, A.

Bước 2. Lập ma trận đánh giá chuẩn đầu ra

- Xác định mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra và hình thức đánh giá;
- Bảo đảm mỗi chuẩn đầu ra được đánh giá ít nhất một lần;
- Ưu tiên đánh giá ở mức M và A đối với thi cuối HP/MĐ.

Bước 3. Lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp

Căn cứ vào:

- Tính chất HP/MĐ (lý thuyết, thực hành, tích hợp);

- Trình độ đào tạo (cao đẳng, trung cấp);
- Mức độ chuẩn đầu ra (I, R, M, A).

Bước 4. Xây dựng công cụ đo lường

- Đề kiểm tra, đề thi;
- Bảng tiêu chí (rubric) chấm điểm;
- Phiếu quan sát, phiếu đánh giá thực hành;
- Đảm bảo tiêu chí rõ ràng, định lượng được.

Bước 5. Tổ chức đánh giá và ghi nhận kết quả

- Tổ chức đánh giá đúng kế hoạch đào tạo;
- Chấm điểm theo đáp án, Rubric đã ban hành;
- Lưu trữ minh chứng đánh giá theo quy định.

VI. Xác lập cách thức đánh giá đối với tập hợp chuẩn đầu ra

Mỗi CLO phải được gắn với một hoặc nhiều hoạt động kiểm tra đánh giá (KTĐG) cụ thể:

Hình thức đánh giá	Thành phần đánh giá	Phương pháp đánh giá	Trọng số	Mục tiêu đo lường
Thường xuyên (A1)	Chuyên cần, bài tập nhỏ, phát biểu	Rubric chuyên cần, viết ngắn, vấn đáp, bài tập, thảo luận, thực hành.	0.4 (bao gồm cả A2)	Đo lường thái độ và kiến thức nền tảng (Mức I, R).
Định kỳ (A2)	Kiểm tra định kỳ	Viết, tiểu luận, trắc nghiệm, thực hành, thực tập, bài tập.	(Năm trong hệ số 0.4)	Đo lường khả năng củng cố và vận dụng (Mức R, M).
Thi kết thúc (A3)	Thi kết thúc học phần	Thi viết, thi thực hành, thực tập, tiểu luận, vấn đáp, trắc nghiệm, đồ án, bài tập lớn.	0.6	Đo lường mức độ thành thạo và năng lực tổng hợp (Mức M, A).

VII. Lựa chọn phương pháp đánh giá phù hợp

Tùy thuộc vào tính chất năng lực và trình độ (Cao đẳng, Trung cấp), giảng viên lựa chọn phương pháp kiểm tra đánh giá (KTĐG) theo các gợi ý như sau:

Tính chất năng lực	Hình thức đánh giá phù hợp	Đặc điểm đo lường
---------------------------	-----------------------------------	--------------------------

Kiến thức (nhớ, hiểu)	Trắc nghiệm khách quan (TNKQ), đúng/sai, vấn đáp	Phù hợp đánh giá kiến thức diện rộng, đơn lẻ.
Khả năng lập luận (Phân tích, đánh giá)	Trắc nghiệm tự luận, viết, tiểu luận, tình huống	Đánh giá khả năng liên kết kiến thức, tư duy phản biện.
Khả năng sáng tạo/Kỹ năng nghề nghiệp	Thực hành, biểu diễn, đồ án, thực tập	Quan sát trực tiếp hành vi và sản phẩm thực tế.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	Bảng hỏi, quan sát hành vi, hồ sơ học tập	Đánh giá qua sự hiện diện và trách nhiệm công việc.

VIII. Xác lập bảng trọng số đối với thi kết thúc (A3)

Điểm học phần được tính theo nguyên tắc: đánh giá quá trình chiếm khoảng 40% và đánh giá kết thúc chiếm khoảng 60%. Đối với các học phần thực hành, tích hợp hoặc đặc thù nghề nghiệp, Trường khoa đề xuất tỷ lệ phù hợp, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Ma trận đề thi kết thúc học phần cần đáp ứng các bậc nhận thức theo thang Bloom (theo gợi ý sau):

CĐR HP (CLOs)	Câu hỏi	Hình thức đánh giá (Lý thuyết/Bài tập)	Mức Bloom (1-6)	Trọng số trong đề thi (%)
CLO 1	Câu 1	Lý thuyết	2 (Hiểu)	20%
CLO 2	Câu 2	Lý thuyết & Bài tập	3 (Vận dụng)	20%
CLO 3	Câu 3	Lý thuyết	3 (Vận dụng)	20%
CLO 4	Câu 4, 5	Lý thuyết & Bài tập	4, 5 (Phân tích, đánh giá)	40%
Tổng cộng				100%

Thang Bloom gồm 06 bậc nhận thức, sắp xếp từ thấp đến cao như sau:

1. Nhớ (Remember): Ghi nhớ, tái hiện kiến thức đã học; động từ: nêu, liệt kê, xác định.
2. Hiểu (Understand): Giải thích, diễn giải, phân biệt kiến thức; động từ: giải thích, mô tả.
3. Vận dụng (Apply): Áp dụng kiến thức để giải quyết nhiệm vụ cụ thể; động từ: áp dụng, tính toán, thực hiện.
4. Phân tích (Analyze): Phân tích cấu trúc, mối quan hệ, nguyên nhân; động từ: phân tích, so sánh.

5. Đánh giá (Evaluate): Nhận xét, kết luận dựa trên tiêu chí; động từ: đánh giá, kết luận.

6. Sáng tạo (Create): Thiết kế, đề xuất giải pháp hoặc sản phẩm mới; động từ: thiết kế, đề xuất.

IX. Công cụ đánh giá (Rubric)

Để đảm bảo tính minh bạch, các bài đánh giá thực hành, thuyết trình, báo cáo phải sử dụng **Rubric** với các mức năng lực rõ ràng:

- **Mức I (Introduce):** Giới thiệu, đạt mức tối thiểu (< 4.0 điểm).
- **Mức R (Reinforce):** củng cố, đạt yêu cầu trung bình (4.0 - 5.4 điểm).
- **Mức M (Mastery):** Thành thạo, vận dụng tốt (5.5 - 6.9 điểm).
- **Mức A (Assessed):** Đánh giá, vận dụng cao và sáng tạo (7.0 - 10 điểm).

Giảng viên có thể điều chỉnh mô tả mức độ và thang điểm cụ thể cho phù hợp với đặc thù học phần, nhưng phải bảo đảm phân biệt rõ các mức đạt chuẩn đầu ra.

X. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)

a) Trách nhiệm

Giảng viên trực tiếp giảng dạy HP/MĐ trực tiếp tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá.

b) Hình thức và số lượng

- Số lượng: Số bài kiểm tra cho mỗi MH/MĐ tương ứng với số tín chỉ của MH/MĐ đó, bảo đảm trong một MH/MĐ có ít nhất một điểm KTTX, một điểm KTĐK.

- Hình thức: Thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học qua: vấn đáp; kiểm tra viết ≤ 30 phút; chấm điểm bài tập; kiểm tra nội dung thực hành/thực tập hoặc các hình thức khác tùy đặc thù môn học.

c) Quy trình thực hiện

- Bước 1: Giảng viên công khai nội dung, thời điểm và hình thức KTTX cho người học ngay trong buổi học đầu tiên.

- Bước 2: Thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học. Hình thức trực tuyến do giảng viên quyết định dựa trên điều kiện hạ tầng và yêu cầu khách quan.

- Bước 3: Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ khi kiểm tra, giảng viên phải công bố kết quả, đưa nhận xét, phản hồi và hướng dẫn người học cải thiện kết quả.

- Bước 4: Giảng viên ghi kết quả vào Sổ tay giảng viên và nhập điểm lên phân hệ Khảo thí thuộc hệ thống phần mềm quản lý tổng thể ít nhất 04 ngày trước thời gian thi kết thúc học phần theo kế hoạch.

2. Kiểm tra định kỳ (KTĐK)

a) Trách nhiệm

Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức và kiểm soát toàn bộ hoạt động kiểm tra định kỳ của các HP/MĐ do đơn vị quản lý.

b) Hình thức và số lượng

- Số lượng: Số bài kiểm tra cho mỗi MH/MĐ tương ứng với số tín chỉ của MH/MĐ đó, bảo đảm trong một MH/MĐ có ít nhất một điểm KTTX, một điểm KTĐK.

- Hình thức: Kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút; chấm điểm bài tập lớn; tiểu luận; bài thực hành/thực tập; hoặc các hình thức đánh giá chuẩn đầu ra khác.

c) Quy trình thực hiện:

- Bước 1: Lập kế hoạch

Các Khoa xây dựng kế hoạch KTĐK (theo mẫu BM01) và gửi về Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng (P.KTCL) chậm nhất trước ngày 30/7 hàng năm để thực hiện giám sát.

- Bước 2: Ra đề

Giảng viên giảng dạy biên soạn đề kiểm tra kèm theo đáp án và thang điểm chi tiết (theo đúng ma trận đề thi nếu có).

- Bước 3: Tổ chức kiểm tra

+ Giảng viên thông báo công khai thời điểm và hình thức cho người học vào buổi đầu tiên.

+ Thực hiện theo lịch trình tại kế hoạch đã duyệt.

+ Trường hợp người học vắng mặt có lý do chính đáng, Khoa sắp xếp kiểm tra bổ sung trước khi kết thúc môn học.

+ Trường hợp kiểm tra trực tuyến, giảng viên giảng dạy quyết định dựa trên điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin để đảm bảo đánh giá chính xác, khách quan.

- Bước 4 - Quản lý kết quả

+ Công bố điểm trong vòng 07 ngày đối với bài viết, hoặc ngay sau khi kiểm tra đối với vấn đáp/thực hành.

+ Chậm nhất 04 ngày trước khi thi kết thúc theo kế hoạch, giảng viên phải hoàn thiện nhập điểm lên phân hệ Khảo thí thuộc hệ thống phần mềm quản lý tổng thể và khớp với Sổ tay giảng viên.

3. Hồ sơ lưu trữ

TT	Loại hồ sơ	Địa điểm lưu trữ	Thời hạn lưu trữ	Ghi chú
1	Bài KTTX (nếu có)	GV giảng dạy	Lưu hết năm học	

2	Sổ tay giảng viên (Bản gốc hoặc in từ hệ thống)	Khoa quản lý lớp	Lưu hết khóa học	
3	Bài kiểm tra định kỳ, tiểu luận, bài tập lớn	Khoa quản lý lớp	Lưu hết khóa học	
4	Hồ sơ giảng dạy của giảng viên	Khoa quản lý GV	05 năm sau tốt nghiệp	
5	Kế hoạch kiểm tra định kỳ (BM01)	Khoa & P.KTCL	Theo quy định hồ sơ đào tạo	

4. Xử lý các trường hợp phát sinh

a) Điều chỉnh điểm:

Giảng viên không thể thay đổi kết quả sau khi đã gửi lên hệ thống. Nếu có sai sót, giảng viên làm đề nghị (theo mẫu BM02 ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-CĐSL ngày 08/01/2026)), có xác nhận của trưởng đơn vị gửi về P.KTCL để xử lý.

b) Hoãn kiểm tra:

Nếu vắng mặt có lý do chính đáng (ốm đau, tai nạn, hiếu hỷ...), người học được tham dự kỳ đánh giá bổ sung trước khi kết thúc học phần. Người học phải nộp đơn xin hoãn trên hệ thống và gửi minh chứng trong vòng 10 ngày làm việc để được xem xét. Nếu không dự kiểm tra bổ sung trước khi kết thúc học phần, người học sẽ nhận điểm 0.

c) Đồ án/Thực tập:

Đối với các học phần đồ án hoặc thực tập, nếu người học không hoàn thành công việc được phân công, giảng viên có quyền đề nghị lãnh đạo Khoa đình chỉ thực hiện và người học sẽ nhận điểm 0.

XI. Tổng hợp kết quả đánh giá chuẩn đầu ra chương trình

- Kết quả đánh giá các CLOs của từng học phần là căn cứ để tổng hợp mức độ đạt các PLOs tương ứng.

- Việc tổng hợp PLOs được thực hiện:

+ Theo ma trận PLO–CLO đã ban hành;

+ Trên cơ sở kết quả học tập, thi tốt nghiệp, đồ án hoặc thực tập.

- Các khoa tổng hợp, báo cáo mức độ đạt chuẩn đầu ra (PLOs) theo học kỳ, làm căn cứ để P.KTCL báo cáo Lãnh đạo Nhà trường (có biểu mẫu kèm theo).

XII. Tổ chức thực hiện

- P.KTCL tiếp tục thực hiện đối sánh ngân hàng đề thi đảm bảo phủ đủ các CLOs.

- Giảng viên thiết kế hoạt động dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá tương ứng với CLOs của HP/MĐ.

- Giảng viên cần công khai các phương pháp đánh giá và Rubric cho người học ngay từ đầu học phần.

Trên đây là Hướng dẫn đánh giá HP/MĐ đáp ứng chuẩn đầu ra trình độ cao đẳng, trung cấp; Hướng dẫn này có tính chất định hướng chuyên môn; trong trường hợp có quy định cụ thể tại Quy chế đào tạo, Quy chế đánh giá kết quả học tập của Trường thì thực hiện theo quy định hiện hành. Nhà trường yêu cầu các đơn vị, cá nhân liên quan nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (c/đ);
- Các đơn vị trực thuộc (t/h);
- Lưu: VT, P.KTCL

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long

MẪU MA TRẬN CLO-PLO-ĐÁNH GIÁ

I. Ma trận 1: Liên kết PLO – CLO – Mức độ đóng góp (I-R-M-A)

PLO\CLO	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
PLO1	I	R			
PLO2		R	M		
PLO3			R	M	A
PLO4				M	A

Lưu ý:

- Ma trận này trả lời câu hỏi: "Môn học này dạy nội dung gì để giúp sinh viên tốt nghiệp?"

- PLO1: Để sinh viên đạt được CDR chương trình số 1, học phần này cung cấp bài học nhập môn (**I**) ở CLO1 và bài tập thực hành củng cố (**R**) ở CLO2.

- Nguyên tắc xây dựng:

+ Mỗi PLO phải được hỗ trợ bởi ít nhất 02 CLO;

+ Mỗi PLO phải có ít nhất 01 CLO đạt mức M hoặc A;

+ Mức A chỉ áp dụng cho các CLO cốt lõi, thường gắn với thi kết thúc, đồ án, thực tập;

+ Không gán mức I cho các học phần ở giai đoạn cuối khóa.

II. Ma trận 2: CLO – Phương pháp đánh giá – Minh chứng

CLO	Nội dung năng lực	PLO liên quan	Mức IRMA	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Trọng số	Minh chứng
CLO1	Kiến thức nền tảng	PLO1	R	KT thường xuyên	Bài tập, TNKQ	10%	Bài làm SV
CLO2	Vận dụng kỹ thuật	PLO2	M	Thực hành	Rubric	20%	Phiếu chấm
CLO3	Giải quyết vấn đề	PLO3	M	Bài tập lớn	Rubric	20%	Báo cáo
CLO4	Tổng hợp, sáng tạo	PLO3,4	A	Thi kết thúc	Đề thi	50%	Bài thi

Lưu ý:

- Ma trận này trả lời câu hỏi: "Làm sao biết sinh viên đã đạt được chuẩn đầu ra của môn học?"

- Tính tương thích:

+ Nếu CLO1 là "Kiến thức", dùng Trắc nghiệm khách quan (TNKQ) là rất phù hợp vì đánh giá được diện rộng kiến thức đơn lẻ.

+ Bắt buộc có Rubric: Với các mức độ thành thạo (**M**) hoặc đánh giá (**A**) như ở CLO2, CLO3, giảng viên không được chấm điểm cảm tính mà phải dùng bảng tiêu chí (Rubric) để đảm bảo tính khách quan và hỗ trợ học tập.

+ Trọng số: CLO4 chiếm 50% vì nó là năng lực tổng hợp và sáng tạo cao nhất, thường rơi vào bài thi cuối kỳ (Assessment of learning) để xác định mức đạt CĐR cuối cùng.

- Nguyên tắc xây dựng:

+ Mỗi CLO phải gắn với ít nhất một hình thức đánh giá;

+ CLO ở mức M, A bắt buộc có Rubric;

+ Trọng số đánh giá phải phù hợp Quy chế đào tạo của Trường;

+ Minh chứng phải lưu trữ theo quy định hiện hành.

III. Ma trận tổng hợp đánh giá PLO (cấp chương trình)

PLO	CLO liên quan	HP/MĐ	Phương pháp đánh giá chính	Ngưỡng đạt	Kết quả đạt
PLO1	CLO1, CLO2	HP1, HP2	Thi, bài tập	≥ 5.5	Đạt/Chưa đạt
PLO2	CLO2, CLO3	HP2, HP3	Thực hành	≥ 6.0	Đạt/Chưa đạt
PLO3	CLO3, CLO4	HP3, HP4	Đồ án	≥ 6.5	Đạt/Chưa đạt

Lưu ý:

- Ma trận này trả lời câu hỏi: "Cuối cùng, sinh viên có đủ tiêu chuẩn để cấp bằng tốt nghiệp hay không?"

- Ngưỡng đạt: Đây là "điểm sàn" năng lực. Ví dụ, để đạt PLO3 về năng lực nghề nghiệp, sinh viên phải đạt từ 6.5 trở lên. Nếu chỉ đạt 5.0, dù qua môn học nhưng sinh viên vẫn bị coi là "Chưa đạt" chuẩn đầu ra chương trình.

BỘ RUBRIC MẪU ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN/MÔ ĐUN

I. Nguyên tắc sử dụng Rubric

1. Rubric là công cụ bắt buộc đối với các hình thức đánh giá ở mức **M** và **A**.
2. Rubric phải:
 - Gắn trực tiếp với CLO của HP/MĐ;
 - Mô tả được hành vi/năng lực quan sát được;
 - Có thang mức rõ ràng, minh bạch cho người học.
3. Các Rubric dưới đây là mẫu chuẩn dùng chung; giảng viên được phép điều chỉnh chi tiết cho phù hợp đặc thù học phần nhưng không làm thay đổi cấu trúc và nguyên tắc đánh giá.
4. Rubric phải được công bố cho người học ngay từ đầu học phần.

II. Rubric mẫu 1 – Đánh giá lý thuyết/Bài tự luận/Tình huống

Tiêu chí đánh giá	Mức I – Chưa đạt (<4.0)	Mức R – Đạt tối thiểu (4.0–5.4)	Mức M – Đạt yêu cầu (5.5–6.9)	Mức A – Đạt cao (7.0–10)	Trọng số
Hiểu vấn đề	Hiểu sai hoặc rất mơ hồ	Hiểu một phần, còn thiếu	Hiểu đúng, khá đầy đủ	Hiểu sâu, toàn diện	20%
Vận dụng kiến thức	Không vận dụng được	Vận dụng đơn giản	Vận dụng đúng, hợp lý	Vận dụng linh hoạt, sáng tạo	30%
Lập luận, phân tích	Rời rạc, thiếu logic	Có lập luận nhưng yếu	Logic, rõ ràng	Chặt chẽ, thuyết phục	30%
Trình bày, thuật ngữ	Sai nhiều, khó theo dõi	Còn lỗi, chưa chuẩn	Đúng cơ bản	Chuẩn xác, khoa học	20%

Phạm vi áp dụng: - Bài thi tự luận, bài tập lớn, tiểu luận, phân tích tình huống;
 - Đánh giá CLO về kiến thức, tư duy phân tích, lập luận.

III. Rubric mẫu 2 – Đánh giá thực hành/Kỹ năng nghề

Tiêu chí đánh giá	Mức I – Chưa đạt (<4.0)	Mức R – Đạt tối thiểu (4.0–5.4)	Mức M – Đạt yêu cầu (5.5–6.9)	Mức A – Đạt cao (7.0–10)	Trọng số
--------------------------	-----------------------------------	--	--------------------------------------	---------------------------------	-----------------

Chuẩn bị & quy trình	Không đúng quy trình	Thiếu bước, còn sai	Đúng quy trình	Đúng & tối ưu	20%
Thao tác kỹ thuật	Sai nhiều, lúng túng	Đúng một phần	Đúng, tương đối thuần thực	Thuần thực, chính xác	30%
Chất lượng sản phẩm	Không đạt yêu cầu	Đạt mức tối thiểu	Đạt yêu cầu kỹ thuật	Đạt cao, ổn định	30%
An toàn, tác phong	Vi phạm an toàn	Còn nhắc nhở	Tuân thủ	Gương mẫu	20%

Phạm vi áp dụng: - Bài thực hành, thi tay nghề, thao tác kỹ thuật;
- Đánh giá CLO về kỹ năng nghề, thao tác, an toàn.

IV. Rubric mẫu 3 – Đánh giá tích hợp/Đồ án/Thực tập

Tiêu chí đánh giá	Mức I – Chưa đạt (<4.0)	Mức R – Đạt tối thiểu (4.0–5.4)	Mức M – Đạt yêu cầu (5.5–6.9)	Mức A – Đạt cao (7.0–10)	Trọng số
Giải quyết nhiệm vụ	Không hoàn thành	Hoàn thành một phần	Hoàn thành đầy đủ	Hoàn thành vượt yêu cầu	30%
Vận dụng tổng hợp	Rời rạc, máy móc	Có liên kết hạn chế	Vận dụng hợp lý	Linh hoạt, sáng tạo	30%
Tính thực tiễn	Không phù hợp	Phù hợp thấp	Phù hợp yêu cầu	Gắn sát thực tế	20%
Tự chủ & trách nhiệm	Thụ động	Cần giám sát	Chủ động	Rất chủ động, chuyên nghiệp	20%

Phạm vi áp dụng: - Đồ án, dự án học tập, thực tập doanh nghiệp;
- Đánh giá CLO tổng hợp ở mức **A**.